

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 82/2019/HSST

Ngày 15-11-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tươi

2/ Bà Võ Thị Lan

Thư ký Tòa án: bà Nguyễn Thị Ngọc Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: ông Trương Vui - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2019/TL-HSST ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần K, sinh năm: 1968 tại Điện Bàn, Quảng Nam; nơi cư trú: thôn V, xã Đ T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Trần Phước N (chết); và bà: Ngô Thị Đ, sinh năm 1937; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ái L và 2 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 1999;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Lê Thị T ; sinh năm: 1983 và ông Nguyễn Văn T3; sinh năm: 1980; cùng địa chỉ: Thôn T4, xã Đ TT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Hữu T1; sinh năm: 1974; địa chỉ: Khối N, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

+ Bà Huỳnh Thị T2; sinh năm: 1973; địa chỉ: Khối N, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

+ Ông Trần Phước V; sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn Bồ Mưng 1, xã Đ T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết nên Trần K biết vợ chồng anh Nguyễn Văn T3 và chị Lê Thị T có dịch vụ cho thuê giàn giáo, cốt pha để xây dựng công trình dân dụng. Khoảng cuối năm 2018, do nợ nhiều người và không có tiền tiêu xài nên Trần K nảy sinh ý định giả vờ thuê giàn giáo, cốt pha của vợ chồng chị T bán lấy tiền tiêu xài. Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 09/12/2019 Trần K đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối đến gặp chị T thuê giàn giáo, cốt pha bán cho người khác. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 18/11/2018, Trần K gặp anh Nguyễn Văn T3 nói “*Ông cho tôi thuê một ít cốt pha nhà ông để tôi đi làm xây dựng*” thì anh Thành đồng ý và nói “*Mai ông qua nhà gặp vợ tôi thuê đi*”. Đến trưa ngày 19/11/2018, K chạy xe máy đến nhà gặp chị T nói “*Chị cho thuê ít cốt pha để đi làm nhà cho họ*”, K nói tiếp “*Hôm qua có nói chuyện với anh Thành rồi, anh Thành cũng đã đồng ý cho tôi thuê số cốt pha của vợ chồng chị để làm nhà*”. Do quen biết nên chị T tin tưởng và đồng ý cho ông K thuê. Sau đó chị T giao 16 (mười sáu) tấm tôn trải sàn bằng sắt. Mỗi tấm kích thước 1x2m, dày 01 ly (tôn đã qua sử dụng, có dính xi măng trên bề mặt) cho K bỏ lên sau xe máy không có BKS chạy xuống cơ sở thu mua phế liệu tại khối phố N, phường ĐN do ông Nguyễn Viết H làm chủ. Cơ sở này do bà Huỳnh Thị T2 là vợ ông H quản lý. Tại đây K bán 16 (mười sáu) tấm tôn sàn cho bà Thịnh được 1.600.000 đồng. Số tiền này K tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 39/HĐ.ĐG ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định giá trị của 16 (mười sáu) tấm tôn trải sàn trên là 2.240.000 đồng.

Lần thứ hai: Với thủ đoạn tương tự, ngày 03/12/2018, Trần K đến nhà gặp chị T thuê 25 (hai mươi lăm) khung sắt trải sàn. Mỗi khung có kích thước 0,9m x 1m, nặng 10 kg được làm bằng các thanh sắt đan hàn tạo thành hình chữ nhật, mỗi thanh dày 03 ly, lập 3 phân. Sau khi thuê được số khung sắt trên, K thuê anh Nguyễn Hữu T1 là người làm nghề chạy xe chở đồ thuê chở đi, K chạy trước dẫn đường cho anh T1 chở số khung sắt trên đến bãi đất trống tại khu đô thị 1A thuộc khối phố Ngọc Vinh, phường Điện Ngọc rồi nói anh T1 bỏ số khung sắt trên tại đây. Sau khi anh T1 nhận tiền công đi về thì K đem bán 25 (hai mươi lăm) khung sắt trải sàn này cho cơ sở phế liệu của bà Huỳnh Thị T2 được 3.000.000 đồng. Số tiền này K tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 39/HĐ.ĐG ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định giá trị của 25 (hai mươi lăm) khung sắt trải sàn trên là 4.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Với thủ đoạn tương tự, ngày 09/12/2018, K tiếp tục đến nhà gặp chỉ T thuê 20 (hai mươi) khung sắt trải sàn. Mỗi khung có kích thước 0,9m x 1,5m, nặng 15 kg được làm bằng các thanh sắt đan hàn tạo thành hình chữ nhật, mỗi thanh dày 03 ly, lập 3 phân; 57 (năm mươi bảy) khung sắt trải sàn. Mỗi khung có kích thước 0,9m x 1m, nặng 10 kg được làm bằng các thanh sắt đan hàn tạo thành hình chữ nhật, mỗi thanh dày 03 ly, lập 3 phân; 46 (bốn mươi sáu) tấm tôn trải sàn bằng sắt. Mỗi tấm có kích thước 1x2m, dày 01 ly. Sau đó K thuê anh Trần Phước V làm nghề chở đồ thuê chở để tại bãi đất trống cách cơ sở thu mua bán phế liệu của bà Huỳnh Thị T2 khoảng 100m. Sau khi anh Vũ nhận tiền công đi về thì K đem bán toàn bộ số khung sắt và tôn trải sàn trên bán cho bà Thịnh được 3.000.000 đồng. Số tiền này K tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 39/HĐ.ĐG ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định giá trị của 20 (hai mươi) khung sắt trải sàn (kích thước 0,9m x 1,5m, nặng 15 kg); 57 (năm mươi bảy) khung sắt trải sàn (kích thước 0,9m x 1m, nặng 10 kg) và 46 (bốn mươi sáu) tấm tôn trải sàn (kích thước 1x2m, dày 01 ly) có tổng giá trị là 20.560.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 73/VKS-HS ngày 15/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn đã truy tố bị cáo Trần K về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần K từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trần K có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T số tiền còn lại là 46.320.000đ (bốn mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)

Bị cáo Trần K nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy mình sai và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Điện Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/11/2018 đến ngày 09/12/2018, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, Trần K đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối là giả vờ thuê cốt pha của người bị hại rồi chiếm đoạt tổng cộng 62 tấm tôn trải sàn bằng sắt, mỗi tấm kích thước 1x2m, dày 01 ly; 82 khung sắt trải sàn, mỗi khung có kích thước 0,9m x 1m, nặng 10 kg được làm bằng các thanh sắt đan hàn tạo thành hình chữ nhật, mỗi thanh dày 03 ly, lập 3 phân và 20 khung sắt trải sàn, mỗi khung có kích thước 0,9m x 1,5m, nặng 15 kg được làm bằng các thanh sắt đan hàn tạo thành hình chữ nhật, mỗi thanh dày 03 ly, lập 3 phân để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại: 26.800.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, đối chiếu với tang vật vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, HĐXX có đầy đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần K đã phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Thành có giá trị trên 2.000.000đ nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS. Sau khi vụ án phát hiện bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại do mình gây ra. Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo còn 02 lần dùng thủ đoạn tương tự để chiếm đoạt tài sản của bà Thi và ông Thành vào ngày 29/11/2018 và 30/11/2018 có giá trị dưới 2.000.000đ, tài sản này không phải là phương tiện kiếm sống chính của bà Thi và ông Thành nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Điện Bàn đã chuyển hồ sơ cho Công an thị xã Điện Bàn xử lý hành

chính đối với Trần K là đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Hữu T1 và Trần Phước V. Qua điều tra xác định không biết việc Trần K thuê tài sản của chị T để đi bán phế liệu nên không xử lý là phù hợp.

Đối với bà Huỳnh Thị T2, qua điều tra xác định khi mua số khung sắt và tôn sản không biết tài sản trên do K lừa đảo của người khác đem bán nên không xử lý.

Đối với xe mô tô Trần K sử dụng để làm phương tiện phạm tội. Qua điều tra xác định xe này K mua lại của một người không rõ lai lịch tại Đà Nẵng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, do xe không còn sử dụng được nữa nên K đã bán phế liệu cho một người phụ nữ mua ve chai không rõ lai lịch với giá 1.000.000 đồng. Do đó không có cơ sở thu hồi.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền thuê cô pha và trả lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền tổng cộng là 66.320.000đ. Bị cáo K đã đền bù được 20.000.000đ nên bà Thi và ông Thành yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền còn lại 46.320.000đ mà người bị hại yêu cầu nên buộc bị cáo phải đền bù cho người bị hại là phù hợp.

[4] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Trần K** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần K** 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 584, 585; 589 BLDS

Buộc bị cáo **Trần K** có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị T số tiền 46.320.000đ (bốn mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải

trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS 2015 và Luật phí, lệ phí.

Bị cáo Trần K phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.316.000đ tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hình sự gửi đến.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân